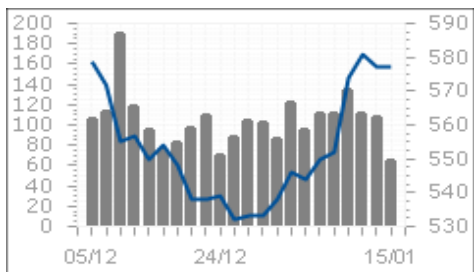


## HOSE

16/01/2015

VNINDEX	574.80	-2.94	-0.51%
KLGD	106,677,703	CP	
GTGD	1,728.06	Tỷ	
GTR NDTNN	55.16	Tỷ	
CP Tăng giá	87	CP	
CP Giảm giá	104	CP	
CP Đứng giá	113	CP	



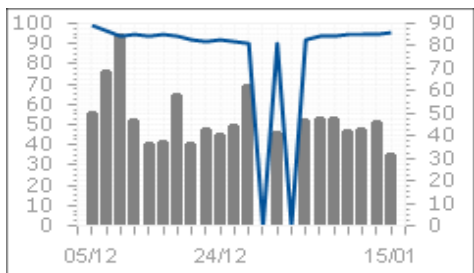
## Tâm điểm

- ▶ Điều chỉnh tiếp là cơ hội để nhà đầu tư gia tăng tỷ trọng cổ phiếu
- ▶ Thanh khoản giảm nhẹ trên HOSE, giảm mạnh trên HNX  
NĐT Nước ngoài mua ròng trên cả hai sàn
- ▶ 100 tỷ đồng cho xúc tiến thương mại năm 2015  
Bộ trưởng Bộ Công Thương Vũ Huy Hoàng đã ký Quyết định số 11855/QĐ-BCT Infonet
- ▶ Huy động 2.000 tỷ đồng trái phiếu Chính phủ do VDB phát hành  
Trái phiếu kỳ hạn 10 năm vẫn không có khối lượng trúng thầu Chính phủ
- ▶ Dự trữ ngoại tệ của NHTW Thụy Sĩ giảm 12% sau khi bỏ trần tỷ giá franc tăng mạnh so với 5 đồng tiền, gồm euro, USD, yên, bảng Anh và đôla Canada  
Market Watch
- ▶ VCB đòi 1.905 tỷ đồng nợ xấu, tính 6.000 tỷ đồng lãi  
Dự nợ nhóm 2 tính đến hết 31/12/2014 của VCB là 19.230 tỷ đồng, giảm 15.5% Vneconomy
- ▶ PGS lãi hợp nhất trước thuế 242 tỷ đồng năm 2014  
Công ty đã hoàn thành vượt kế hoạch doanh thu và lợi nhuận Vietstock

## HNX

16/1/2015

HNXINDEX	85.35	-0.53	-0.62%
KLGD	58,669,767	CP	
GTGD	726.43	Tỷ	
GTR NDTNN	8.05	Tỷ	
CP Tăng giá	61	CP	
CP Giảm giá	108	CP	
CP Đứng giá	210	CP	



## Thị trường / Ngành

### Theo thị trường

	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
HOSE	1,049,927	14.0	2.8	18.2%	9.4%
HNX	142,543	13.7	1.8	8.9%	4.2%
<b>Toàn bộ thị trường</b>	<b>1,192,470</b>	<b>14.4</b>	<b>2.7</b>	<b>18.1%</b>	<b>9.0%</b>

### Theo ngành

	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Nhựa, cao su & sợi	6,737	6.5	0.9	12.6%	8.3%
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược & Thép và sản phẩm thép	22,392	9.7	1.6	16.9%	10.6%
Khai khoáng	37,493	12.6	1.9	22.9%	10.8%
Vật liệu xây dựng & Nội thất	12,515	93.0	6.2	-4.2%	-3.4%
Xây dựng	27,169	14.9	1.6	13.3%	7.4%
Máy công nghiệp	33,110	27.0	1.2	1.8%	2.4%
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	8,927	9.0	1.4	15.2%	10.4%
Lốp xe	10,642	8.4	1.5	18.5%	13.5%
Nuôi trồng nông & hải sản	8,189	10.5	2.8	25.5%	11.1%
Thực phẩm	24,139	11.0	2.2	22.4%	7.5%
Dược phẩm	188,904	24.2	4.6	18.6%	14.4%
Phần mềm	15,632	12.4	2.8	22.2%	14.7%
Sản xuất & phân phối điện	17,057	10.2	2.2	21.7%	9.0%
Phân phối xăng dầu & khí đốt	30,330	10.6	1.6	15.8%	7.2%
Bảo hiểm nhân thọ	154,656	12.7	4.1	32.4%	22.0%
Môi giới chứng khoán	23,136	18.4	1.9	10.4%	2.2%
Ngân hàng	27,077	11.2	1.4	11.2%	7.6%
Bất động sản	279,030	13.2	1.5	10.3%	0.9%
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí	161,132	15.8	2.5	17.9%	4.6%
	34,299	7.8	1.6	21.9%	9.2%

## VN30 & HNX30 INDEX

VN30	614.72	-2.90	-0.47%
HNX30	167.07	-0.89	-0.53%

## Thống kê thị trường

- ▶ HOSE: Thống kê và nhận định thị trường
- ▶ HNX: Thống kê và nhận định thị trường
- ▶ Tổng hợp chỉ số ngành toàn thị trường

## VietinBankSc

306 Ba Triệu  
Hai Ba Trưng  
Hanoi  
Vietnam  
Tel: (844) 3974 7952  
Fax: (844) 3974 1760  
www.vietinbanksc.com.vn

**Trịnh Thị Thu Phương**

[thuphuong@vietinbanksc.com.vn](mailto:thuphuong@vietinbanksc.com.vn)

**100 tỷ đồng cho xúc tiến thương mại năm 2015**

**Huy động 2.000 tỷ đồng trái phiếu Chính phủ do VDB phát hành**

**Dự trữ ngoại tệ của NHTW Thụy Sĩ giảm 12% sau khi bỏ trần tỷ giá**

**Trịnh Thị Thu Phương**

[thuphuong@vietinbanksc.com.vn](mailto:thuphuong@vietinbanksc.com.vn)

**VCB đòi 1.905 tỷ đồng nợ xấu, tính 6.000 tỷ đồng lãi**

**PGS lãi hợp nhất trước thuế 242 tỷ đồng năm 2014**

**BVH ước lợi nhuận sau thuế hợp nhất 2014 đạt 1.200 tỷ đồng**

## ► Tin kinh tế

Bộ trưởng Bộ Công Thương Vũ Huy Hoàng đã ký Quyết định số 11855/QĐ-BCT phê duyệt Chương trình xúc tiến thương mại quốc gia năm 2015 gồm 212 đề án của 70 đơn vị chủ trì với tổng kinh phí là 100 tỷ đồng. Kinh phí cho chương trình Xúc tiến thương mại quốc gia năm 2015 đã tăng thêm 30 tỷ đồng so với 2014. Theo Cục xúc tiến thương mại quốc gia, năm 2014 chương trình đã hỗ trợ 7.682 lượt doanh nghiệp tham gia với 10.956 gian hàng; 285.285 lượt giao dịch; 2.211.546 lượt khách thăm quan, mua sắm; ký kết được các hợp đồng, biên bản ghi nhớ giá trị; doanh thu bán hàng đạt hơn 1,87 tỷ USD và 500 tỷ đồng.

Ngày 14/1, Ngân hàng Phát triển Việt Nam (VDB) đã huy động thành công 2.000/3.000 tỷ đồng gọi thầu trái phiếu Chính phủ (TPCP) bảo lãnh. Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội cho biết, phiên đấu thầu có tổng khối lượng gọi thầu 3.000 tỷ đồng với 2 loại kỳ hạn: 5 năm (2.000 tỷ đồng) và 10 năm (1.000 tỷ đồng). Trong đó, trái phiếu kỳ hạn 5 năm có 11 thành viên tham gia dự thầu, khối lượng dự thầu hợp lệ đạt 6.929 tỷ đồng. Lãi suất đặt thầu nằm trong khoảng 6,2-7,1%/năm. Kết quả, huy động thành công 2.000 tỷ đồng, với lãi suất trúng thầu 6,62%/năm, thấp hơn 0,38%/năm so với lãi suất trúng thầu phiên trước đó (ngày 26/12/2014). Trái phiếu kỳ hạn 10 năm vẫn không có khối lượng trúng thầu.

Giá trị dự trữ ngoại tệ của ngân hàng trung ương Thụy Sĩ (SNB) giảm khoảng 12%, tương đương khoảng 60 tỷ franc, ngay sau thông báo của các nhà hoạch định chính sách về việc bỏ trần tỷ giá với euro. Dự trữ ngoại tệ của SNB giảm chủ yếu do franc tăng mạnh so với 5 đồng tiền, gồm euro, USD, yên, bảng Anh và đôla Canada - đóng góp 94% vào kho dự trữ ngoại tệ của SNB; 6% còn lại là đôla Australia, won của Hàn Quốc, krona của Thụy Điển và đôla Singapore. Trước đó tính đến tháng 12/2014, giá trị dự trữ ngoại tệ của SNB là 495,1 tỷ franc, gồm 73% các trái phiếu chính phủ và 16% chứng khoán. Trên thực tế, thành phần dự trữ ngoại tệ của SNB không thay đổi nhiều trong suốt 4 năm qua.

## ► Tin doanh nghiệp

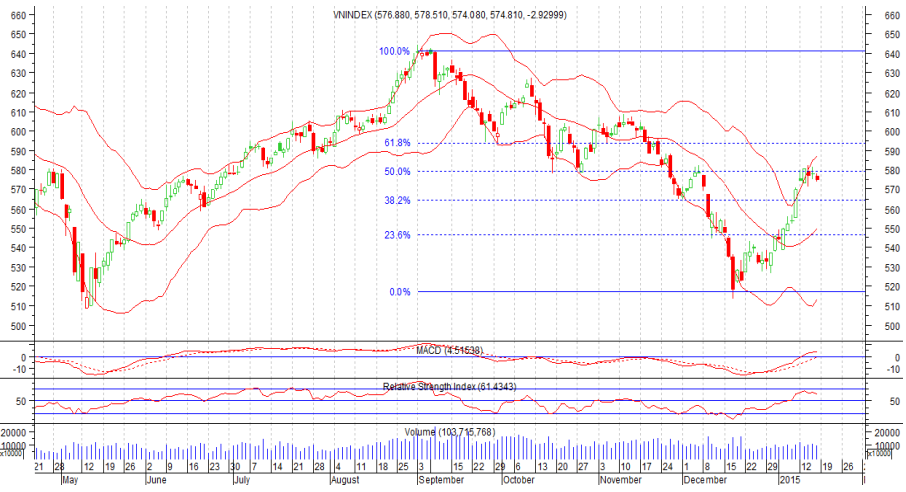
Về tình hình nợ xấu, dư nợ nhóm 2 tính đến hết 31/12/2014 của VCB là 19.230 tỷ đồng, giảm 3.531 tỷ đồng so với năm 2013 (giảm khoảng 15,5%). Tỷ lệ nợ nhóm 2 là 5,93%, giảm 2,34% so với năm 2013. Số dư nợ xấu tại thời điểm 31/12/2014 là 7.407 tỷ đồng, tỷ lệ nợ xấu là 2,29%, giảm 0,4% so với tỷ lệ của năm 2013. Lợi nhuận trước dự phòng năm 2014 đạt 10.233 tỷ đồng, tăng 12,5% so với năm 2013. Chi phí dự phòng rủi ro được trích lập ở mức 4.553 tỷ đồng, tăng khoảng 30% so với 2013. Lợi nhuận trước thuế đạt 5.680 tỷ đồng, tăng 2,0% so với năm 2013, đạt 107,17% kế hoạch. Doanh số thanh toán xuất nhập khẩu năm qua của Vietcombank đạt 48,14 tỷ USD, tăng 15,79% so với năm 2013. Thị phần thanh toán xuất nhập khẩu đạt 16,32%, tăng 0,7% so với 2013.

Ông Vũ Quý Hiệu, Giám đốc Công ty cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng miền Nam (HNX: mã PGS) cho biết, năm 2014, doanh thu hợp nhất của công ty đạt 7.500 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế hợp nhất đạt 242 tỷ đồng. Trong đó, lợi nhuận trước thuế công ty mẹ đạt khoảng 170 - 174 tỷ đồng. Năm 2014, công ty đặt kế hoạch doanh thu hợp nhất 6.785 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế hợp nhất 194 tỷ đồng. Như vậy, công ty đã hoàn thành vượt kế hoạch doanh thu và lợi nhuận lần lượt 10,5% và 25%. PGS dự kiến được giao phân phối một phần khí từ cuối năm 2015, đầu năm 2016. Điều này chưa có văn bản chính thức nhưng có trong kế hoạch của Tổng Công ty khí. Kế hoạch kinh doanh năm 2015 đã được xây dựng theo giá đầu thô 100 USD nhưng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp giá đầu thô hiện tại.

Tập đoàn Bảo Việt (HOSE: mã BVH) cho biết, năm 2014, doanh thu hợp nhất của Bảo Việt ước đạt 18.600 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế hợp nhất đạt 1.500 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế hợp nhất đạt 1.200 tỷ đồng. Đến 31/12/2014, Công ty mẹ Tập đoàn Bảo Việt có vốn chủ sở hữu ước đạt 11.500 tỷ đồng. Tổng doanh thu của Công ty mẹ ước đạt 1.300 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế ước đạt 1.100 tỷ đồng. Hiện Bảo Việt kinh doanh dịch vụ tài chính với ba trụ cột chính là bảo hiểm, đầu tư và dịch vụ tài chính.

**HOSE** 16/01/2015 VNINDEX 574.80 -2.94 -0.51% 106,677,703 CP 1,728.06 bil VND

**Điều chỉnh tiếp là cơ hội để nhà đầu tư gia tăng tỷ trọng cổ phiếu**  
 - Vn-Index giảm 2.94đ (-0.51%) xuống mức 574.80 điểm. Cây nến đỏ, đặc, thân nhỏ rơi xuống phía dưới ngưỡng kháng cự 50% của Fibonacci cũng như dải trên của dải Bollinger Band  
 - MACD tăng nhẹ, RSI giảm, MA20 vẫn tiếp tục tăng.  
 - Nhịp điều chỉnh của VN-Index có khả năng sẽ chưa kết thúc, có thể sẽ tiếp tục hướng về mức hỗ trợ 38.2% tương đương với vùng 560. Tuy nhiên nếu chỉ số gần chạm ngưỡng này và đi lên thì xu hướng tăng sẽ vẫn tiếp tục.



**HOSE Top 5** theo KLGD

FLC	0.1 (0.9%)	15,258,610
DLG	0.6 (5.5%)	9,522,490
OGC	-0.1 (-1.6%)	4,990,760
KBC	0 (0.0%)	4,834,950
HAG	-0.5 (-2.1%)	4,003,840

**HOSE Top 5** theo % tăng

DTT	0.7 (6.9%)	20
THG	1 (6.7%)	1,580
SII	1.5 (6.7%)	10
TMS	3.5 (6.4%)	510
KSH	0.7 (6.3%)	974,340

**HOSE Top 5** theo % giảm

HLA	-0.1 (-7.7%)	430,170
SBC	-2.1 (-7.0%)	2,180
KAC	-0.8 (-6.8%)	600
KHA	-1.7 (-6.3%)	3,360
EMC	-0.4 (-6.3%)	550

**HOSE Top 5** Mua ròng NDTNN

KBC	33,3 tỷ	2,018,500
MWG	11,4 tỷ	96,940
CII	11,2 tỷ	567,000
KDC	8,7 tỷ	182,160
MSN	6,9 tỷ	81,250

**HOSE Top 5** Bán ròng NDTNN

HAG	-16,5 tỷ	711,270
VCB	-8,6 tỷ	235,150
GAS	-5,9 tỷ	76,110
BVH	-3,2 tỷ	96,020
BID	-2,9 tỷ	174,130

<b>GD NDTNN</b>	<b>KL Ròng</b>	<b>GT Ròng (tỷ)</b>
HOSE	2,064,190	55.16

**Nhận định / Bình luận thị trường**

- ▶ 1. Diễn biến thị trường: Áp lực bán đã xuất hiện từ đầu phiên khiến VN-Index giảm điểm liên tục cho đến hết phiên
- ▶ Nhóm các cổ phiếu lớn: BVH tăng 1.000 đồng; VNM đứng giá tham chiếu; Các cổ phiếu dầu khí, ngân hàng đều giảm: PVD giảm 500 đồng, VCB giảm 500 đồng,...
- ▶ Thanh khoản giảm nhẹ đạt 106 triệu đơn vị, giá trị 1.728 tỷ đồng. FLC dẫn đầu đạt hơn 15,2 triệu đơn vị. Tiếp đó DLG đạt 9,52 triệu đơn vị
- ▶ 2. Giao dịch khối ngoại: NĐTNN mua ròng trên HOSE với gần 55,16 tỷ giá trị. Mua nhiều ở các mã KBC, MWG, CII... và bán nhiều ở mã HAG, VCB...
- ▶ 3. Nhận định: Ngắn hạn có thể xem xét giảm dần tỷ trọng cổ phiếu, dài hạn có thể tiếp tục duy trì nắm giữ, mua dần trong những phiên điều chỉnh

**HOSE - Top 10 theo vốn hóa**

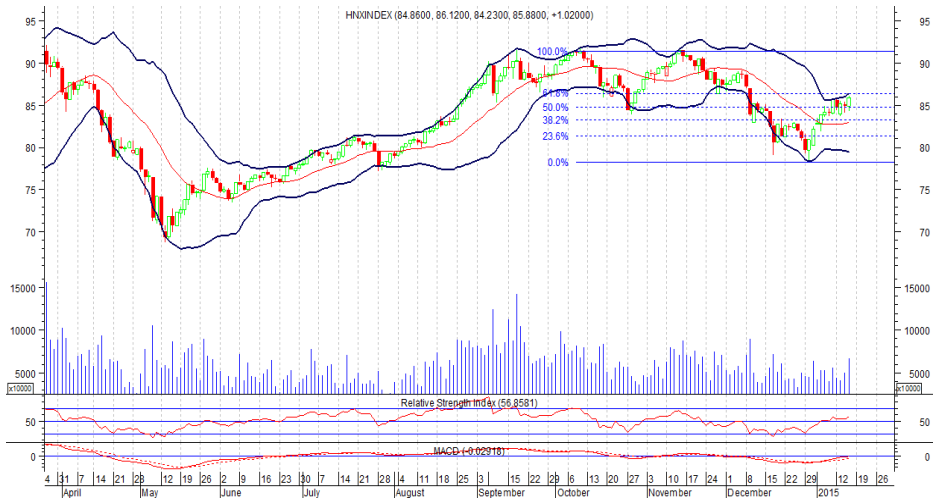
Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE	ROA
GAS	1,895.0	77.5	146,862.50	12.9	4.2	33.0%	22.6%
VNM	1,000.1	100.0	100,011.86	17.2	5.5	31.8%	24.8%
VCB	2,665.0	36.3	96,740.24	21.3	2.3	10.5%	0.9%
VIC	1,454.6	47.3	68,800.46	17.8	3.7	21.1%	4.6%
MSN	735.8	85.0	62,543.69	- 488.8	4.3	-0.9%	-0.3%
CTG	3,723.4	15.3	56,968.09	10.4	1.0	8.8%	0.8%
BID	2,811.2	16.2	45,541.48	10.4	1.4	13.6%	0.8%
HPG	481.9	53.0	25,541.13	8.2	2.3	30.2%	14.7%
BVH	680.5	35.0	23,816.50	18.4	1.9	10.4%	2.2%
STB	1,142.5	18.4	21,022.21	8.6	1.2	14.3%	1.4%

**HOSE - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ**

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
TTF	100.1	11.4	1,140.76	15.0	1.0	NA	TH.DOI
HBC	53.4	15.1	806.28	23.0	0.9	NA	TH.DOI
CII	186.8	19.4	3,623.05	7.3	1.4	NA	TH.DOI
BMP	45.5	77.0	3,501.84	9.8	2.1	NA	TH.DOI
NHS	60.8	11.2	680.40	5.7	0.7	NA	TH.DOI
FDC	27.6	20.9	577.05	1.8	0.9	NA	TH.DOI

**HNX** 16/01/2015 HNX-Index 85.35 -0.53 -0.62% 58,669,767 CP 726.43 bil. VND

**Điều chỉnh tiếp là cơ hội để nhà đầu tư gia tăng tỷ trọng cổ phiếu**  
 -Chỉ số HNX-Index giảm 0.53 điểm (-0.62%), đóng cửa tại mốc 85.35 điểm. Một cây nến Shooting Star xuất hiện cũng chỉ báo một sự đảo chiều nhẹ của HNX. Khối lượng giao dịch sụt giảm mạnh so với phiên hôm qua cho thấy lực bán yếu.  
 - MACD chạm đường zezo, trong khi chỉ số RSI có suy giảm  
 - HNX-Index có khả năng sẽ tiếp tục điều chỉnh, nhưng quá trình điều chỉnh không mạnh. Vùng hỗ trợ mạnh xung quanh khoảng 84 điểm.



HNX Top 5	theo KLGĐ	
KLF	-0.4 (-3.3%)	7,762,010
KLS	0.4 (3.7%)	4,428,170
SHB	-0.2 (-2.2%)	3,599,100
PVS	-0.6 (-2.1%)	3,096,680
PVX	-0.1 (-2.0%)	2,389,730

HNX Top 5	theo % tăng	
HTP	0.8 (11.0%)	-
VDL	2.5 (10.0%)	25,170
TV3	2.6 (10.0%)	1,200
APG	0.5 (9.6%)	22,400
HST	0.6 (9.1%)	100

HNX Top 5	theo % giảm	
DNC	-2.2 (-10.0%)	100
DPC	-1.4 (-10.0%)	100
HHC	-3.4 (-9.9%)	400
CJC	-2.5 (-9.8%)	500
QNC	-0.9 (-9.6%)	1,240

HNX Top 5	Mua ròng NĐTNN	
KLS	19,1 tỷ	1,715,800
VCG	10,4 tỷ	802,000
IVS	0,4 tỷ	34,500
NGC	0,2 tỷ	9,900
PGS	0,2 tỷ	5,500

HNX Top 5	Bán ròng NĐTNN	
PVS	-22,3 tỷ	784,300
SHB	-0,3 tỷ	32,200
AAA	-0,2 tỷ	14,300
VDL	-0,2 tỷ	6,500
KLF	-0,1 tỷ	10,000

GD NĐTNN	KL Ròng	GT Ròng (tỷ)
HNX	1,778,122	8.05

## Nhận định / Bình luận thị trường

- ▶ 1. Diễn biến thị trường: HNX-Index giáng cơ mạnh suốt phiên, đóng cửa ngày giao dịch cuối tuần, HNX-Index đuối sức giảm 0,53 điểm
- ▶ Theo thống kê cụ thể: đã có 108 mã giảm, chỉ còn 60 mã tăng và 79 mã đứng giá. Trong nhóm các cổ phiếu lớn: LAS giảm 700 đồng, PVS giảm 600 đồng.
- ▶ Thanh khoản giảm mạnh: đạt gần 58,7 triệu đơn vị, giá trị 726,43 tỷ đồng. KLF dẫn đầu thanh khoản với 7,8 triệu đơn vị, tiếp đó là KLS với 4,4 triệu đơn vị
- ▶ 2. Giao dịch khối ngoại: : NĐTNN mua ròng trên HNX với hơn 8 tỷ đồng. Mua nhiều ở các mã KLS, VCG... Bán nhiều các mã PVS, SHB...
- ▶ 3. Nhận định: Ngắn hạn có thể xem xét giảm dần tỷ trọng cổ phiếu, dài hạn có thể tiếp tục duy trì nắm giữ, mua dần trong những phiên điều chỉnh

## HNX - Top 10 theo vốn hóa

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE	ROA
ACB	909.8	15.9	14,465.51	26.8	1.2	4.4%	0.3%
PVS	446.7	28.3	12,641.62	7.8	1.5	19.6%	6.6%
SQC	107.3	80.0	8,583.92	- 69.5	8.5	-10.4%	-8.0%
SHB	886.1	8.7	7,708.93	9.7	0.8	7.7%	0.6%
VCG	441.7	13.0	5,742.24	8.5	1.0	11.8%	2.9%
OCH	200.0	24.7	4,940.00	58.1	2.4	4.1%	2.2%
PVI	225.2	16.8	3,782.66	12.6	0.6	5.1%	1.8%
VNR	131.1	24.2	3,172.04	9.9	1.2	12.8%	5.4%
NTP	56.3	51.0	2,873.30	7.3	2.1	23.4%	14.9%
LAS	77.8	34.1	2,654.07	7.5	2.1	25.6%	14.6%

## HNX - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
PGS	38.0	29.0	1,102.00	6.8	1.2	NA	TH.DOI
AAA	39.6	13.7	542.52	5.1	1.0	NA	TH.DOI
VND	155.0	13.2	2,045.98	11.6	1.1	NA	TH.DOI
NTP	56.3	51.0	2,873.30	7.3	2.1	NA	TH.DOI
PVC	50.0	25.4	1,270.00	6.3	1.4	NA	TH.DOI
DXP	7.9	40.0	315.00	7.5	1.4	NA	TH.DOI

## FTSE Vietnam (UCITS ETF)

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
MSN	HOSE	735.8	62,543.69	15.22%	85.0	- 488.78	4.34	154,875	272,890	200,836
VIC	HOSE	1,454.6	68,800.46	12.53%	47.3	17.77	3.74	586,454	807,785	996,808
PVD	HOSE	303.0	18,788.29	11.71%	62.0	7.90	1.71	721,091	939,837	797,931
HPG	HOSE	481.9	25,541.13	11.57%	53.0	8.23	2.27	310,425	401,433	428,207
HAG	HOSE	789.9	18,167.68	7.45%	23.0	9.87	1.28	2,934,317	2,855,067	3,114,056
KDC	HOSE	235.2	11,264.22	7.00%	47.9	17.80	1.65	1,530,771	1,240,320	1,200,901
STB	HOSE	1,142.5	21,022.21	5.69%	18.4	8.63	1.19	912,978	2,527,210	1,011,322
VCB	HOSE	2,665.0	96,740.24	5.16%	36.3	21.33	2.27	1,544,874	1,506,152	767,039
DPM	HOSE	379.9	12,271.88	4.04%	32.3	10.31	1.34	1,433,654	1,058,459	771,653
KBC	HOSE	389.8	6,353.09	2.83%	16.3	15.07	1.22	2,140,879	2,283,076	3,559,826
ITA	HOSE	718.9	5,751.25	2.64%	8.0	47.10	0.73	5,203,355	5,315,007	5,530,481
HSG	HOSE	96.3	4,545.98	1.95%	47.2	11.04	1.90	98,078	80,704	149,643
BVH	HOSE	680.5	23,816.50	1.83%	35.0	18.41	1.93	766,210	682,796	351,881
HVG	HOSE	189.2	4,143.47	1.55%	21.9	11.13	1.48	1,025,990	1,167,027	1,212,265
FLC	HOSE	314.9	3,495.32	1.53%	11.1	6.45	0.91	10,951,639	10,683,064	14,134,746
PPC	HOSE	318.2	8,590.17	1.47%	27.0	11.80	1.60	937,759	967,185	545,774
DRC	HOSE	83.1	4,610.60	1.41%	55.5	13.34	3.22	19,576	130,808	93,870
PVT	HOSE	255.9	3,658.76	1.37%	14.3	12.65	1.22	2,231,142	2,787,168	2,364,381
CSM	HOSE	67.3	2,799.35	1.32%	41.6	8.06	2.21	91,633	76,389	83,925
VSH	HOSE	206.2	2,887.38	1.16%	14.0	19.72	1.07	278,671	591,157	476,720
OGC	HOSE	300.0	1,890.00	0.56%	6.3	11.14	0.59	9,505,615	7,663,080	6,807,827

Công ty quản lý  
Chỉ số tham chiếu

**DB Platinum Advisors**  
**FTST Vietnam Index**

Ngày lập quỹ **15/01/2008**  
Ngày lập chỉ số **14/05/2007**

SLCKVN **22/22**  
TGTTSQL **361 mil.**

## Market Vectors Vietnam ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
MSN	HOSE	735.8	62,543.69	8.53%	85.0	- 488.78	4.34	154,875	272,890	200,836
VIC	HOSE	1,454.6	68,800.46	7.57%	47.3	17.77	3.74	586,454	807,785	996,808
VCB	HOSE	2,665.0	96,740.24	7.13%	36.3	21.33	2.27	1,544,874	1,506,152	767,039
STB	HOSE	1,142.5	21,022.21	6.62%	18.4	8.63	1.19	912,978	2,527,210	1,011,322
PVS	HNX	446.7	12,641.62	5.75%	28.3	7.78	1.48	2,625,412	2,774,100	2,546,330
BVH	HOSE	680.5	23,816.50	4.51%	35.0	18.41	1.93	766,210	682,796	351,881
DPM	HOSE	379.9	12,271.88	4.25%	32.3	10.31	1.34	1,433,654	1,058,459	771,653
HAG	HOSE	789.9	18,167.68	4.04%	23.0	9.87	1.28	2,934,317	2,855,067	3,114,056
PVD	HOSE	303.0	18,788.29	3.90%	62.0	7.90	1.71	721,091	939,837	797,931
PPC	HOSE	318.2	8,590.17	3.14%	27.0	11.80	1.60	937,759	967,185	545,774
ITA	HOSE	718.9	5,751.25	3.29%	8.0	47.10	0.73	5,203,355	5,315,007	5,530,481
FLC	HOSE	314.9	3,495.32	2.85%	11.1	6.45	0.91	10,951,639	10,683,064	14,134,746
SHB	HNX	886.1	7,708.93	2.54%	8.7	9.74	0.76	4,775,916	4,841,704	3,718,921
VCG	HNX	441.7	5,742.24	2.12%	13.0	8.49	0.99	1,066,986	1,291,770	1,410,675
PVT	HOSE	255.9	3,658.76	1.78%	14.3	12.65	1.22	2,231,142	2,787,168	2,364,381
OGC	HOSE	300.0	1,890.00	143.00%	6.3	11.14	0.59	9,505,615	7,663,080	6,807,827
DRC	HOSE	83.1	4,610.60	1.00%	55.5	13.34	3.22	19,576	130,808	93,870
IJC	HOSE	274.2	3,756.46	0.65%	13.7	22.01	1.29	145,319	255,840	530,327
PVX	HNX	400.0	2,000.00	0.00%	5.0	- 2.23	2.21	4,432,173	4,455,588	5,008,314

Công ty quản lý  
Chỉ số tham chiếu

**Van Eck Global**  
**Market Vector Vietnam Index**

Ngày lập quỹ **08/11/2009**  
Ngày lập chỉ số **24/11/2008**

SLCKVN **17/27**  
TGTTSQL **439.5 mil.**

## MSCI Frontier Market Index ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
VIC	HOSE	1,454.6	68,800.46	0.00%	47.3	17.77	3.74	586,454	807,785	996,808
MSN	HOSE	735.8	62,543.69	0.00%	85.0	- 488.78	4.34	154,875	272,890	200,836
DPM	HOSE	379.9	12,271.88	0.00%	32.3	10.31	1.34	1,433,654	1,058,459	771,653
HAG	HOSE	789.9	18,167.68	0.00%	23.0	9.87	1.28	2,934,317	2,855,067	3,114,056
VCB	HOSE	2,665.0	96,740.24	0.00%	36.3	21.33	2.27	1,544,874	1,506,152	767,039
STB	HOSE	1,142.5	21,022.21	0.00%	18.4	8.63	1.19	912,978	2,527,210	1,011,322
BVH	HOSE	680.5	23,816.50	0.00%	35.0	18.41	1.93	766,210	682,796	351,881
CTG	HOSE	3,723.4	56,968.09	0.00%	15.3	10.42	1.04	745,247	469,515	326,461
GAS	HOSE	1,895.0	146,862.50	0.00%	77.5	12.90	4.21	559,056	538,608	501,869

Công ty quản lý: **Royal Bank of Scotland** Ngày lập quỹ: **19/09/2011** SLCKVN: **9/142**  
 Chỉ số tham chiếu: **MSCI Frontier Markets Index** Ngày lập chỉ số: **30/11/2007** TGTTSQL: **22.25 mil.**

## iShares MSCI Frontier 100 Index Fund

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
MSN	HOSE	735.8	62,543.69	4.01%	85.0	- 488.78	4.34	154,875	272,890	200,836
VIC	HOSE	1,454.6	68,800.46	2.27%	47.3	17.77	3.74	586,454	807,785	996,808
PVD	HOSE	303.0	18,788.29	4.39%	62.0	7.90	1.71	721,091	939,837	797,931
STB	HOSE	1,142.5	21,022.21	0.89%	18.4	8.63	1.19	912,978	2,527,210	1,011,322
VCB	HOSE	2,665.0	96,740.24	1.28%	36.3	21.33	2.27	1,544,874	1,506,152	767,039
BVH	HOSE	680.5	23,816.50	1.79%	35.0	18.41	1.93	766,210	682,796	351,881

Công ty quản lý: **iShares** Ngày lập quỹ: **12/09/2012** SLCKVN: **6/102**  
 Chỉ số tham chiếu: **MSCI Frontier 100 Index** Ngày lập chỉ số: **30/11/2007** TGTTSQL: **519.45 mil.**

## iShares MSCI Vietnam Investable Market Index Fund ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
-------	-----	-------------------	-----------------	----------	---------------	-------------	-------------	---------------------	---------------------	---------------------

Công ty quản lý: **iShares** Ngày lập quỹ: SLCKVN  
 Chỉ số tham chiếu: **MSCI VN Investable Market Indx** Ngày lập chỉ số: **01/12/2010** TGTTSQL: **4,752.96 mil.**

16 January 2015

Chỉ số bình quân ngành	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
<b>Hóa chất &amp; Tài nguyên cơ bản</b>					
Hóa Chất					
Nhựa, cao su & sợi	6,737	6.5	0.9	12.6%	8.3%
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược & Hóa chất khác	22,392	9.7	1.6	16.9%	10.6%
Lâm nghiệp và giấy					
Lâm sản và Chế biến gỗ	3,227	15.8	1.0	5.7%	2.2%
Sản xuất giấy	881	6.4	1.0	14.5%	7.9%
Kim loại					
Thép và sản phẩm thép	37,493	12.6	1.9	22.9%	10.8%
Khai khoáng					
Khai thác than	2,034	3.7	1.0	21.5%	5.2%
Khai khoáng	12,515	93.0	6.2	-4.2%	-3.4%
<b>Xây dựng và vật liệu</b>					
Xây dựng và vật liệu					
Vật liệu xây dựng & Nội thất	27,169	14.9	1.6	13.3%	7.4%
Xây dựng	33,110	27.0	1.2	1.8%	2.4%
<b>Hàng và dịch vụ công nghiệp</b>					
Hàng công nghiệp					
Containers & Đóng gói	2,208	9.6	1.2	15.9%	7.9%
Công nghiệp phức hợp	1,049	6.9	1.1	16.9%	12.4%
Điện tử và thiết bị điện					
Hàng điện & điện tử	2,683	8.2	1.5	18.7%	6.5%
Thiết bị điện	1,804	11.4	2.0	10.0%	4.6%
Công nghiệp nặng					
Xe tải & Đóng tàu	76	24.9	1.0	4.1%	2.9%
Máy công nghiệp	8,927	9.0	1.4	15.2%	10.4%
Vận tải					
Vận tải thủy	8,760	-	3.0	4.7%	1.5%
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	10,642	8.4	1.5	18.5%	13.5%
Dịch vụ vận tải	9,981	8.1	3.4	43.7%	32.1%
Tư vấn & hỗ trợ kinh doanh					
Tư vấn & Hỗ trợ KD	3,608	18.2	1.8	8.6%	4.5%
Đào tạo & Việc làm	259	13.4	0.8	6.7%	2.5%
Nhà cung cấp thiết bị	200	9.1	1.0	12.9%	5.1%
Chất thải & Môi trường	222	3.4	1.1	33.5%	15.5%
<b>Ô tô và Phụ tùng</b>					
Ô tô và Phụ tùng					
Sản xuất ô tô	2,282	13.6	1.4	14.7%	7.3%
Lốp xe	8,189	10.5	2.8	25.5%	11.1%
<b>Thực phẩm và đồ uống</b>					
Bia và đồ uống					
Sản xuất bia	1,808	8.0	1.4	17.9%	9.6%
Vang & Rượu mạnh	320	16.1	2.2	14.8%	9.9%
Đồ uống & giải khát	236	6.6	1.2	14.6%	9.7%
Sản phẩm thực phẩm					
Nuôi trồng nông & hải sản	24,139	11.0	2.2	22.4%	7.5%
Thực phẩm	188,904	24.2	4.6	18.6%	14.4%
<b>Hàng cá nhân và gia dụng</b>					
Hàng gia dụng					
Đồ gia dụng lâu bền	64	18.0	0.8	4.4%	3.2%
Thiết bị gia dụng	2,909	7.9	1.3	18.3%	8.7%
Hàng hóa giải trí					
Điện tử tiêu dùng	535	64.5	1.4	2.5%	1.8%
Hàng cá nhân					
Hàng may mặc	3,662	8.4	1.6	19.2%	7.5%
Giày dép	10	-	1.4	-33.3%	-19.0%
Hàng cá nhân	6,179	10.4	2.0	18.8%	9.6%
Thuốc lá					
Thuốc lá	775	-	11.5	2.0%	4.5%

Chỉ số bình quân ngành	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
<b>Y tế</b>					
Thiết bị và dịch vụ y tế					
Thiết bị y tế	2,003	9.0	1.1	12.8%	7.2%
Dụng cụ y tế	152	3.2	1.6	36.6%	16.5%
Dược phẩm					
Công nghệ sinh học	215	9.2	1.3	13.8%	10.1%
Dược phẩm	15,632	12.4	2.8	22.2%	14.7%
<b>Bán lẻ</b>					
Phân phối thực phẩm và dược					
Phân phối thực phẩm	234	37.2	0.8	-2.0%	-0.6%
Bán lẻ					
Bán lẻ phức hợp	744	10.4	1.2	13.8%	8.1%
Phân phối hàng chuyên dụng	2,829	9.8	1.6	18.4%	3.6%
<b>Truyền thông, Du lịch và Giải trí</b>					
Truyền thông					
Dịch vụ truyền thông	10	2.7	0.5	18.3%	11.3%
Sách, ấn bản & sản phẩm văn hóa	1,120	9.2	1.0	10.1%	6.7%
Du lịch và giải trí					
Hàng không	-	#DIV/0!	#DIV/0!	#DIV/0!	#DIV/0!
Khách sạn	5,573	54.6	2.4	3.9%	2.3%
Dịch vụ giải trí	3,455	21.3	1.3	11.9%	9.8%
Vận tải hành khách & Du lịch	2,755	18.6	3.5	23.6%	20.3%
<b>Viễn Thông &amp; Công nghệ thông tin</b>					
Viễn thông cố định					
Viễn thông cố định	41	9.6	0.3	3.1%	1.6%
Phần mềm và dịch vụ máy tính					
Dịch vụ máy tính	750	11.2	0.9	8.8%	3.3%
Internet	414	87.3	1.0	1.1%	0.2%
Phần mềm	17,057	10.2	2.2	21.7%	9.0%
Thiết bị và phần cứng					
Phần cứng	467	15.9	0.8	4.6%	1.8%
Thiết bị văn phòng	290	5.5	1.0	19.5%	14.9%
Thiết bị viễn thông	15,958	41.3	8.9	34.9%	11.7%
<b>Điện nước, xăng dầu và khí đốt</b>					
Sản xuất & phân phối điện					
Sản xuất & phân phối điện	30,330	10.6	1.6	15.8%	7.2%
Nước & khí đốt					
Phân phối xăng dầu & khí đốt	154,656	12.7	4.1	32.4%	22.0%
Nước	1,215	6.5	1.1	17.0%	11.7%
<b>Bảo hiểm, Dịch vụ tài chính, Ngân hàng, Bất động sản</b>					
Bảo hiểm phi nhân thọ					
Bảo hiểm phức hợp	1,399	8.3	1.0	11.2%	3.3%
Bảo hiểm phi nhân thọ	6,562	11.2	0.7	6.6%	2.5%
Tái bảo hiểm	3,172	9.9	1.2	12.8%	5.4%
Bảo hiểm nhân thọ					
Bảo hiểm nhân thọ	23,136	18.4	1.9	10.4%	2.2%
Dịch vụ tài chính					
Tài chính đặc biệt	3,662	7.8	1.2	18.3%	12.6%
Môi giới chứng khoán	27,077	11.2	1.4	11.2%	7.6%
Ngân hàng					
Ngân hàng	279,030	13.2	1.5	10.3%	0.9%
Bất động sản					
Bất động sản	161,132	15.8	2.5	17.9%	4.6%
Tư Vấn, Định giá, Môi giới Bất động sản	8	2.0	0.6	32.7%	12.3%
<b>Dầu khí</b>					
Thiết bị, dịch vụ và phân phối					
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí	34,299	7.8	1.6	21.9%	9.2%



- ▶ **Nguyễn Hữu Quang**      **Giám đốc Nghiên cứu & Tư vấn Đầu tư**  
quangnh@vietinbanksc.com.vn
- ▶ **Trịnh Thị Thu Phương**      thuphuong@vietinbanksc.com.vn  
- Tổng hợp thông tin vĩ mô
- ▶ **Nguyễn Thu Hằng**      hangnnt@vietinbanksc.com.vn  
- Ngân hàng  
- Dược phẩm  
- Phân bón  
- Nước giải khát
- ▶ **Nguyễn Quang Sắc**      sacnq@vietinbanksc.com.vn  
- Phân tích kỹ thuật  
- Nhận định, bình luận thị trường
- ▶ **Vũ Ánh Nguyệt**      nguyetva@vietinbanksc.com.vn  
- Cao su  
- Thủy sản  
- Dệt may  
- Mía đường

Bản báo cáo này được chuẩn bị cho mục đích duy nhất là cung cấp thông tin và không nhằm đưa ra bất kỳ đề nghị hay hướng dẫn mua bán chứng khoán cụ thể nào. Các quan điểm và khuyến cáo được trình bày trong bản báo cáo này không tính đến sự khác biệt về mục tiêu, nhu cầu, chiến lược và hoàn cảnh cụ thể của từng nhà đầu tư. Ngoài ra, nhà đầu tư cũng ý thức có thể có các xung đột lợi ích ảnh hưởng đến tính khách quan của bản báo cáo này. Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo khi đưa ra quyết định đầu tư và phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với quyết định đầu tư của chính mình. VietinBankSc tuyệt đối không chịu trách nhiệm đối với toàn bộ hay bất kỳ thiệt hại nào, hay sự kiện bị coi là thiệt hại, đối với việc sử dụng toàn bộ hoặc từng phần thông tin hay ý kiến nào của bản báo cáo này.

Toàn bộ các quan điểm thể hiện trong báo cáo này đều là quan điểm cá nhân của người phân tích. Không có bất kỳ một phần thu nhập nào của người phân tích liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến các khuyến cáo hay quan điểm cụ thể trong bản báo cáo này.

Thông tin sử dụng trong báo cáo này được VietinBankSc thu thập từ những nguồn mà chúng tôi cho là đáng tin cậy. Tuy nhiên, chúng tôi không đảm bảo rằng những thông tin này là hoàn chỉnh hoặc chính xác. Các quan điểm và ước tính trong đánh giá của chúng tôi có giá trị đến ngày ra báo cáo và có thể thay đổi mà không cần báo cáo trước.

Bản báo cáo này được giữ bản quyền và là tài sản của VietinBankSc. Mọi sự sao chép, chuyển giao hoặc sửa đổi trong bất kỳ trường hợp nào mà không có sự đồng ý của VietinBankSc đều trái luật.

Bản quyền thuộc VietinBankSc, 2013. Vui lòng trích nguồn khi sử dụng các thông tin trong bản báo cáo này.